

BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024

(Dùng cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn báo cáo)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024		
1	70% tăng thu NSDP thực hiện so với dự toán năm 2023 (không kể: thu tiền sử dụng đất; xô số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) được UBND tỉnh giao		
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 đã được UBND tỉnh giao		
3	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2024 (Các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên)		
	+ Học phí		
	+ Viện phí		
	+ Nguồn thu khác		
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang 2024		
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2024		
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP		
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với cán bộ công chức, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp		Biểu số 2a, 2b
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã		
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp		
4	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008		
5	Phụ cấp tăng thêm của HD phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng của tỉnh theo Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018		
6	Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng tăng thêm của Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQ Việt Nam theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh		

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
7	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo NĐ 75/2024/NĐ-CP		Biểu số 03
8	Kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố		Biểu số 04
9	Kinh phí tăng thêm thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo Hướng dẫn 06-HD/TCTW-BTGTV		Biểu số 06
10	Kinh phí tăng thêm thực hiện phụ cấp công tác viên dự luận xã hội		
11	Kinh phí tăng thêm thực hiện phụ cấp Ban chỉ đạo 35		
12	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp uỷ		
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định		
1	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2024 theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ		
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2024 theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ		
3	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù		
4	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đến nhận công tác tại vùng ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		Biểu số 07
5	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		Biểu số 08
6	Kinh phí tăng chức danh (Phó trưởng thôn, bản hoặc Tổ trưởng tổ dân phố) hưởng theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (Do chưa giao kinh phí năm 2024)		Biểu số 05
7	Kinh phí giảm các chức danh (Công an viên thôn, bản; Tổ trưởng, tổ phó, tổ viên tổ bảo vệ dân phố) hưởng theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh. Do chuyển sang hưởng chế độ theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh)		
8	Kinh phí tăng thêm chi trả chế độ cho biên chế giáo viên được giao năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh và Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh.		Biểu số 09
C	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2024		
1	Phân thiếu nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ		
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư		

Ngày.....tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ/CHỦ TỊCH UBND HUYỆN, TP
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn: Triệu đồng

STT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2024	Tổng số đối tượng hưởng có mặt đến 01/7/2024	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP														QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP														Chênh lệch quỹ cấp tăng thêm 1 tháng	Nhu cầu kinh phí tăng thêm CCTL theo ND số 73/2024/NĐ-CP năm 2024	Quỹ tiền thường năm 2024 theo ND số 73/2024/NĐ-CP năm 2024	Tổng cộng kinh phí CCTL (Lương tăng thêm + thưởng) năm 2024 theo ND 73/2024/NĐ-CP			
				Tổng cộng	Lương theo ngạch bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp	Trong đó											Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCD, BHYTN) (1)	Tổng cộng	Lương theo ngạch bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp	Trong đó														Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCD, BHYTN)		
							Phụ cấp khu vực	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp lâu năm	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác Đảng	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp khác					Phụ cấp khu vực	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp lâu năm	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác Đảng	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thâm niên vượt khung						Phụ cấp khác	
1	2	3	4	5=6+7+19	6	7=8+...+18	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(6+9+17)x tỷ lệ %BH	20=21+22+34	21	22=23+...3	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34=(21+24+32)x tỷ lệ %BH	35=20-5	36=35x6T	37=21x10%x6 tháng	38=36+37	
	TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Khu vực HCSN, đảng, đoàn thể (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	<i>Trong đó:</i>																																					
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Giáo dục																																					
	- Đào tạo																																					
2	Sự nghiệp y tế																																					
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																																					
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																																					
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																																					
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																																					
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																																					
8	Hoạt động kinh tế																																					
9	Sự nghiệp môi trường																																					
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Quản lý NN																																					
	- Đảng, đoàn thể																																					
II	Cán bộ chuyên trách, công chức xã																																					
III	Hoạt động phi đại biểu HĐND các cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Cấp tỉnh																																					
2	Cấp huyện																																					
3	Cấp xã																																					
IV	Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Uỷ viên cấp tỉnh																																					
2	Uỷ viên cấp huyện																																					
3	Uỷ viên cấp xã																																					
V	Phụ cấp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng của Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQ Việt Nam theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh																																					
2																																					

Ghi chú: Biểu mẫu được trình bày trên khổ giấy A3
(1) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHYTN là 1%, KPCD là 2%.
(2) Chi tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

Ngày... tháng... năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2024	Tổng số đối tượng hưởng lương có mặt đến 01/7/2024	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP														QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP											Chênh lệch quỹ lương, phụ cấp tăng thêm 1 tháng	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện CCTL theo ND số 73/2024/NĐ-CP năm 2024	Quỹ tiền thưởng năm 2024 theo ND số CP năm 2024	Tổng cộng kinh phí CCTL (Lương tăng thêm + thưởng) năm 2024 theo ND 73/2024/NĐ-CP							
				Trong đó														Trong đó																					
				Tăng công	Lương theo ngạch bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp lâu năm	Phụ cấp công tác Đảng	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp khác	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCD, BHTN) (1)	Tổng cộng	Lương theo ngạch bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp lâu năm	Phụ cấp công tác Đảng	Phụ cấp thâm niên nghề					Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp khác	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCD, BHTN)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37-21*10%* 6 tháng	38-36+37		
TỔNG CỘNG																																							
1	Khu vực HCSN, đảng, đoàn thể (2)																																						
1	Đơn vị A																																						
	Quản lý nhà nước																																						
	Sự nghiệp.....																																						
2	Đơn vị B																																						
	Quản lý nhà nước																																						
	Sự nghiệp.....																																						
II	Hoạt động phi đại biểu HĐND các cấp																																						
1	Đơn vị A																																						
2	Đơn vị B																																						
III	Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy																																						
1	Đơn vị A																																						
2	Đơn vị B																																						
IV	Một số phụ cấp khác																																						
1	Phụ cấp của HD phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng của tỉnh theo Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018																																						
2	Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng của Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQ Việt Nam theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh																																						

Ghi chú: Biểu mẫu được trình bày trên khổ giấy A3.
(1) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCD là 2%.
(2) Chỉ tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự báo đảm chi thường xuyên

Ngày.....tháng.....năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO HỆ SỐ LƯƠNG, CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG BÌNH QUÂN THÁNG 7 NĂM 2024

(Dùng cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn báo cáo)

STT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao 2024	Tổng số đối tượng hưởng lương có mặt 01/7/2024	Hệ số bình quân tháng 7/2024														H/s các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	
				Tổng các H/s: LC + khoản phụ cấp + Đóng góp	Hệ số lương chính	Tổng hệ số các khoản phụ cấp	Trong đó												
							H/s Phụ cấp khu vực	H/s Phụ cấp chức vụ	H/s Phụ cấp trách nhiệm	H/s P/cấp ưu đãi ngành	H/s P/cấp thu hút	H/s P/cấp lâu năm	H/s Phụ cấp công vụ theo ND 34	H/s Phụ cấp công tác Đảng	H/s P/cấp thâm niên nghề	H/s Phụ cấp thâm niên VK	H/s Phụ cấp khác		
1	2	3	4	5=6+7+19	6	7=8+...+18	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Tổng số																		
A	KHỐI TÍNH																		
1	Đơn vị A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Quản lý nhà nước			-		-							-	-					-
	Sự nghiệp.....			-		-							-	-					-
	Sự nghiệp.....			-		-							-	-					-
2	Đơn vị B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Quản lý nhà nước			-		-							-	-					-
	Sự nghiệp.....			-		-							-	-					-
	Sự nghiệp.....			-		-							-	-					-
B	KHỐI HUYỆN																		
I	Khu vực HCSN, Đảng, Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Giáo dục			-		-													
	- Đào tạo			-		-													
2	Sự nghiệp y tế			-		-													-
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ			-		-													-
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin			-		-													-
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			-		-													-
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao			-		-													-
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội			-		-													-
8	Hoạt động kinh tế			-		-													-
9	Sự nghiệp môi trường			-		-													-
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Quản lý NN			-		-													
	- Đảng, đoàn thể			-		-													
II	Cán bộ chuyên trách, công chức xã			-		-													

Ngày.....tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ/CHỦ TỊCH UBND CÁC HUYỆN, TP

(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2024 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho UBND các xã, Thị trấn báo cáo)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số người nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng đến 01/7/2024	Mức hưởng theo quy định tại ND số 42/2023/NĐ-CP (Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023)	Quỹ trợ cấp tháng 7 theo quy định tại ND số 42/2023/NĐ- CP	Mức hưởng theo quy định tại ND số 75/2024/NĐ-CP (Thông tư số 08/2024/TT- BNV ngày 05/7/2024)	Quỹ trợ cấp tháng 7 theo quy định tại ND số 75/2024/NĐ-CP	Quỹ trợ cấp tăng thêm tháng 7	Bảo hiểm y tế tăng thêm tháng 7	Tổng quỹ trợ cấp tăng thêm năm 2024
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	$3 = I \times 2$	<i>4</i>	$5 = I \times 4$	$6 = 5 - 3$	$7 = I \times 0,54 \times 4,5\%$	$8 = (6 + 7) \times 6T$
	TỔNG SỐ	-		-		-	-	-	-
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.		3,0		3,5			-	-
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên, Thư ký UBND Thư ký HĐND, xã đội trưởng		3,0		3,5			-	-
3	Các chức danh còn lại		2,817		3,5			-	-

Ngày...tháng...năm....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THÊM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2024

(Dùng cho UBND các xã, Thị trấn báo cáo)

1. Tổng số xã, phường, thị trấn:

2. Tổng số thôn, bản:

3. Tổ dân phố:

3.1. Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên

3.2. Tổ dân phố còn lại

4. Thôn, bản thuộc xã biên giới

4.1: Tổng số thôn, bản thuộc xã biên giới

4.2: Tổng số đối tượng KCT thôn, bản thuộc xã biên giới:

5. Thôn, bản có 350 hộ gia đình trở lên, thôn bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự

5.1: Tổng số thôn, bản có 350 hộ gia đình trở lên, thôn bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự:

5.2: Tổng số đối tượng KCT thôn, bản thuộc thôn, bản có 350 hộ gia đình trở lên, thôn bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự:

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2024	Hệ số phụ cấp được hưởng	Quý phụ cấp theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	Quý phụ cấp theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	Chênh lệch quỹ phụ cấp tăng thêm 1 tháng	BHXH, BHYT	Tổng kinh phí tăng thêm để thực hiện năm 2024 (6 tháng)
1	2	3	4	5=3 x 4 x 1,8	6=3 x 4 x 2,34	7=6-5	8=14%*0,54	9=(7+8) x 6T
	TỔNG SỐ	-	-					
1	CB không chuyên trách cấp xã	-	-					
*	Khối Đảng	-						
1.1	Văn phòng đảng ủy	-						
	Cấp xã loại 1		1,2					
	Cấp xã loại 2		1,1					
	Cấp xã loại 3		1,0					
*	Khối Mặt trận và các đoàn thể	-						
1.2	Phó chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc	-						
	Cấp xã loại 1		1,2					
	Cấp xã loại 2		1,1					
	Cấp xã loại 3		1,0					
1.3	Phó bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	-						

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2024	Hệ số phụ cấp được hưởng	Quỹ phụ cấp theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	Quỹ phụ cấp theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	Chênh lệch quỹ phụ cấp tăng thêm 1 tháng	BHXH, BHYT	Tổng kinh phí tăng thêm để thực hiện năm 2024 (6 tháng)
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.4	Phó chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.5	Phó chủ tịch Hội nông dân	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.6	Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.7	Chủ tịch Hội người cao tuổi	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.8	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
*	Khối chính quyền	-	-					
1.9	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,7					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,6					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,4					
1.10	Phụ trách đài truyền thanh - quản lý nhà văn hóa	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2024	Hệ số phụ cấp được hưởng	Quý phụ cấp theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	Quý phụ cấp theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	Chênh lệch quý phụ cấp tăng thêm 1 tháng	BHXH, BHYT	Tổng kinh phí tăng thêm để thực hiện năm 2024 (6 tháng)
1.11	Nhân viên thú y xã	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.12	Trưởng Ban bảo vệ dân phố (Ở phường, thị trấn)	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,2					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		1,0					
1.13	Phó ban Bảo vệ dân phố (Ở phường, thị trấn)	-						
	<i>Cấp xã loại 1</i>		1,1					
	<i>Cấp xã loại 2</i>		1,0					
	<i>Cấp xã loại 3</i>		0,9					
2	CB không chuyên trách cấp thôn, bản, tổ dân phố	-						
2.1	Bí thư chi bộ	-						
	<i>Thôn bản có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản thuộc xã biên giới</i>		1,7					
	<i>Thôn, bản, tổ dân phố còn lại</i>		1,3					
2.2	Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố	-						
	<i>Thôn bản có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản thuộc xã biên giới</i>		1,7					
	<i>Thôn, bản, tổ dân phố còn lại</i>		1,3					
2.3	Trưởng ban công tác Mặt trận	-						
	<i>Thôn bản có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản thuộc xã biên giới</i>		1,4					
	<i>Thôn, bản, tổ dân phố còn lại</i>		1,0					
2.4	Công an viên ở thôn, bản (*)		0,5	-	-	-		-
2.5	Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố (*)		0,4	-	-	-		-
2.6	Tổ phó tổ bảo vệ dân phố (*)		0,3	-	-	-		-
2.7	Tổ viên tổ bảo vệ dân phố (*)		0,2	-	-	-		-

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2024	Hệ số phụ cấp được hưởng	Quý phụ cấp theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	Quý phụ cấp theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	Chênh lệch quỹ phụ cấp tăng thêm 1 tháng	BHXX, BHYT	Tổng kinh phí tăng thêm để thực hiện năm 2024 (6 tháng)
2.8	Thôn đội trưởng		0,5					
2.9	Nhân viên y tế thôn, bản		0,5					
2.10	Phó Bí thư Chi bộ (thôn, bản, tổ dân phố)		0,2					
2.11	Phó trưởng thôn, bản (hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố)		0,2					
2.12	Chi hội trưởng Chi hội Liên hiệp Phụ nữ		0,2					
2.13	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân		0,2					
2.14	Chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh		0,2					
2.15	Bí thư chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh		0,2					

Ghi chú: (*) Tổng kinh phí tăng thêm để thực hiện năm 2024 của các chức danh: Công an viên ở thôn, bản; Tổ trưởng, tổ phó, tổ viên tổ bảo vệ dân phố chỉ tính hưởng tháng 7 năm 2024.

Ngày....tháng....năm....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)

**TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG/GIẢM CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
CẤP XÃ, THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2024***(Dùng cho UBND các xã, thị trấn báo cáo)**Đvt: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng có mặt năm 2024	Hệ số phụ cấp được hưởng	Kinh phí tăng chức danh hưởng theo NQ số 69/2023/NQ-HĐND (tính cả năm 2024 theo mức lương 1,8)	Kinh phí giảm các chức danh hưởng theo NQ số 69/2023/NQ-HĐND (tính 5 tháng cuối năm 2024 theo mức lương 1,8)
1	2	3	4	5=3x4x1,8x12 tháng	5=3x4 x1,8 x5 tháng
	TỔNG SỐ	-			
I	Chức danh tăng theo NQ số 69/2023/NQ-HĐND (Do chưa giao kinh phí năm 2024)	-			
1	Phó Bí thư Chi bộ (thôn, bản, tổ dân phố)		0,2		
II	Chức danh đã hưởng 7 tháng đầu năm theo NQ số 69/2023/NQ-HĐND nhưng bị cắt giảm do NQ số 21/2024/NQ-HĐND	-			
1	Công an viên ở thôn, bản		0,5		
2	Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố		0,4		
3	Tổ phó tổ bảo vệ dân phố		0,3		
4	Tổ viên tổ bảo vệ dân phố		0,2		

*Ngày....tháng....năm....***CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ***(Ký tên, đóng dấu)*

TỔNG HỢP KP TĂNG THÊM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BÁO CÁO VIÊN THEO HD 06-HD/TCTW-BTGTW; CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CẤP ỦY; PC CỘNG TÁC VIÊN DỰ LUẬN XÃ HỘI; PHỤ CẤP BAN CHỈ ĐẠO 35 NĂM 2023

(Dùng cho Văn phòng huyện ủy báo cáo)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số đối tượng hưởng phụ cấp đến 01/7/2024	Hệ số phụ cấp	Quỹ phụ cấp theo ND 24/2023/NĐ-CP	Quỹ phụ cấp theo ND 73/2024/NĐ-CP	Chênh lệch quỹ phụ cấp tăng thêm 1 tháng	Tổng kinh phí tăng thêm năm 2024
1	2	3	4	5=3 x 4 x 1,8	6=3 x 4 x 2,34	7 = 6-5	8 = 7 x 6T
	TỔNG SỐ						
I	Phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo hướng dẫn 06-HD/TCTW-BTGTW						
1	Khối Đảng tỉnh						
2	Khối huyện						
II	Chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy						
1	Khối Đảng tỉnh (Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017)						
2	Khối huyện (Quy định số 08-QĐ/TU ngày 26/3/2018)						
III	Phụ cấp cộng tác viên dự luận xã hội						
1	Khối Đảng tỉnh						
2	Khối huyện						
IV	Phụ cấp Ban chỉ đạo 35						
1	Khối Đảng tỉnh						
2	Khối huyện						

....., ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng đơn vị/UBND huyện, thành phố.....

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ TRỢ CẤP LẦN ĐẦU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2019/NĐ-CP

(Dùng cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn báo cáo)

Dvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tên bản, xã đặc biệt khó khăn	Ngày tháng năm vào công tác vùng ĐBKK	Nhu cầu kinh phí	Ghi chú (QĐ nhận công tác)
1	2	3	4	5=10t x mức lương cơ sở	6
	Tổng số				
1	Đơn vị A				
	Ông A				
	Ông B				
2	Đơn vị B				
	Ông A				
	Ông B				

Ngày.....tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ/CHỦ TỊCH UBND CÁC HUYỆN, TP

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM CHI TRẢ CHẾ ĐỘ CHO SỐ BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN TĂNG THÊM NĂM HỌC 2023-2024

(Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số biên chế giao bổ sung năm 2024	Tổng số biên chế có mặt đến 01/7/2024	Tổng hệ số của 1 biên chế	Bao gồm:							Tỷ lệ các khoản đóng góp	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện Nghị định 24/2023/NĐ-CP và Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (1)
					Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó				Tỷ lệ các khoản đóng góp		
							Tỷ lệ phụ cấp khu vực	Tỷ lệ phụ cấp ưu đãi nghề	Tỷ lệ phụ cấp thu hút	Tỷ lệ phụ cấp đặc biệt			
1	2	3	4	5=6+7+11	6	7=8+9x6+10x6+11x6	8	9	10	11	12=6x23,5%	13=4x5x0,31 triệu đồng x số tháng thực tế hưởng	
Tổng số													
1	Mầm non												
2	Tiểu học												
3	Trung học cơ sở												
4	Trung học phổ thông												

Ghi chú:

(1) Căn cứ thời điểm tuyển dụng để báo cáo nhu cầu tính toán nhu cầu tăng thêm theo số tháng thực tế hưởng

(2) Số lượng giáo viên tăng thêm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh và Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh (Sở Giáo dục&ĐT, UBND các huyện, thành phố: Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Tân Uyên, Thành phố Lai Châu báo cáo)

..., ngày.....tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG CÁC ĐƠN VỊ/UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)